TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **641**/2020/KDTM-PT
Ngày: 07-7-2020
V/v tranh chấp thi công xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trinh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hường

Bà Trương Thi Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 6 và ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1,Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2063/2020/QĐ-PT ngày 20/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 4454/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 5765/QĐPT-KDTM ngày 10/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ V; Địa chỉ trụ sở: Số 70, đường số 5, Khu nhà ở H, Khu phố 4, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Thành T – đại diện theo pháp luật Công ty luật TNHH Trương Thành T (Giấy ủy quyền số 155/2020/GUQ/KNVA ngày 15/5/2010)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A; Địa chỉ trụ sở: 1700/3C, Quốc lộ 1A, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa nhà Pax Sky, số 123 đường N, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 05/9/2018 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A)

Người kháng cáo: Nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ V.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Kỹ Nghệ V (viết tắt Công ty V) và Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A (viết tắt Công ty A) ký hợp đồng thi công thầu phụ số 58/2017/HĐTP/AVA-VA ngày 12/12/2017 (gọi tắt là Hợp đồng số 58) để cung cấp, thi công, lắp đặt và hoàn thiện cửa nhựa lõi thép cho Công trình Khu chung cư S tại số 1-1A đường T, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14/12/2017, các bên ký thêm hợp đồng phụ lục hợp đồng 01 của Hợp đồng số 58 về việc điều chỉnh thông tin số tài khoản.

Ngày 06/02/2018, Công ty V nhận được tiền tạm ứng của Công ty A cho Hợp đồng số 58 là 1.192.775.697 (một tỷ một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng. Sau khi nhận tiền tạm ứng trên Công ty V đã chuẩn bị hồ sơ vật tư, tiến độ thi công gửi Công ty A phê duyệt, đồng thời thực hiện gia công vật liệu theo yêu cầu, chỉ còn chờ giao mặt bằng sẽ tiến hành thi công.

Tuy nhiên ngày 06/06/2018, Công ty V lại nhận được công văn số 101/2018/CV-AVA ngày 04/06/2018 của Công ty A yêu cầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 58 với lý do chủ đầu tư là Công ty TNHH May S không chấp nhận nhà thầu đối với Công ty V.

Nhận thấy việc Công ty A đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 58 trái pháp luật. Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án căn cứ khoản 14.3 b, Điều 14 của Hợp đồng số 58 giải quyết việc chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với mức phạt vi phạm là 12% trên giá trị hợp đồng trước thuế với số tiền là 954.220.557 (chín trăm năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm năm mươi bảy) đồng.

Ngày 13/06/2018, Công ty V và Công ty A ký tiếp Hợp đồng thi công thầu phụ số 12/2018/HĐTP/AVA-AV (gọi tắt là Hợp đồng số 12) để cung cấp, thi công, lắp đặt và hoàn thiện lan can, lam sắt tầng 2, 3, 4 Block B2 cũng cho công trình Khu chung cư S. Công ty V đã hoàn thành Hợp đồng số 12 và được Công

ty A nghiệm thu đồng ý thanh toán số tiền là 236.415.283 (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng. Các bên thống nhất bù trừ vào tiền tạm ứng. Sau khi cấn trừ Công ty V sẽ hoàn lại cho Công ty A số tiền là 2.139.856 (hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu) đồng.

Công ty V không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty A về việc trả số tiền tạm ứng đã nhận sau khi cấn trừ Hợp đồng số 12 là 956.360.414 (chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn bốn trăm mười bốn) đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 28/7/2018 do việc Công ty A đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 58 trái pháp luật.

Tại đơn phản tố ngày 10/9/2018 bản tự khai; biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty V và Công ty A ký Hợp đồng số 58 và phụ lục 01 để cung cấp, thi công, lắp đặt và hoàn thiện cửa nhựa lõi thép cho Công trình Khu chung cư S tại số 1-1A đường T, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đúng như phía Công ty V trình bày.

Sau khi các bên ký Hợp đồng số 58, Công ty A đã chuyển cho Công ty V số tiền tạm ứng là 1.192.775.697 (một tỷ một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng tương đương 15% giá trị trước thuế VAT của hợp đồng theo quy định tại điều 9.2 của Hợp Đồng số 58.

Mặc dù Công ty V đã nhận được đầy đủ khoản tiền tạm ứng từ ngày 06/02/2018 nhưng đến ngày 15/3/2018 không triển khai thực hiện công việc thi công đạt 30% giá trị hợp đồng và cũng không thực hiện việc gia hạn bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng trước khi hết hạn vào ngày 30/3/2018 theo như quy định điều 10.1 của Hợp đồng số 58.

Sau khi đơn vị tư vấn giám sát xây dựng - đại diện của Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - C tiến hành kiểm tra nhà xưởng đã kết luận: Công ty V không đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện Dự án dẫn đến Chủ đầu tư Dự án không chấp nhận cho Công ty V được tiếp tục thi công. Tại biên bản họp ngày 16/5/2018, Công ty V đã thông báo về việc đại diện Chủ đầu tư đã về xưởng kiểm tra và cắt một phần công việc và mong muốn Công ty A sớm gửi công văn ngưng hợp đồng để làm thủ tục hoàn trả tiền tạm ứng.

Công ty V có lỗi trong việc không thực hiện Hợp Đồng số 58, đã nhận số tiền tạm ứng nhưng không được kết chuyển thành kết quả công việc của hợp đồng để được thanh toán và khấu trừ lại giá trị tạm ứng đó, biết rõ việc bị đại diện của Chủ đầu tư kiểm tra và không cho tiếp tục tham gia vào dự án. Trên cơ sở đại diện của Chủ đầu tư không chấp thuận Công ty V tiếp tục thực hiện hợp đồng, Ngày 17/5/2018, nhà thầu chính là Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng

H cũng có công văn thông báo về quyết định của chủ đầu tư không chấp nhận cho Công ty V thực hiện hợp đồng.

Ngày 14/6/2018, Công ty A và Công ty V đã lập biên bản họp về việc giải quyết hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng số 58 và đã có công văn 1406/2018/CV-VA về việc chấm dứt và thanh lý hợp đồng. Qua đó, Công ty A đã yêu cầu Công ty D mua lại toàn bộ số vật tư nguyên liệu mà Công ty V đã nhập về nhưng không thực hiện công việc theo Hợp đồng số 58 là 3.267kg, có giá trị bằng 112.706.210 (một trăm mười hai triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn hai trăm mười) đồng và đồng ý cấn trừ một phần của số tiền tạm ứng là 236.415.283 (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng để thanh toán Hợp đồng số 12 giữa hai bên, số tiền tạm ứng còn lại phải trả lại cho Công ty A là 956.360.414 (chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn bốn trăm mười bốn) đồng cũng đã được thông báo trong biên bản đối chiếu và bù trừ công nợ ngày 21/6/2018.

Công ty A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V nên ngày 10/9/2018 đã có đơn phản tố yêu cầu Tòa án buộc Công ty V trả số tiền tạm ứng sau khi cấn trừ là 956.360.414 (chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn bốn trăm mười bốn) đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 28/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tính đến ngày 28/11/2019, đã chậm thanh toán là 490 ngày dẫn đến khoản tiền lãi phát sinh do việc chậm trả này là 956.360.414 VNĐ*10%/365*490 = 128.388.110 (một trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám ngàn một trăm mười) đồng**.** Tổng số tiền yêu cầu là 1.084.748.524 (một tỷ không trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

Việc tính lãi chậm thanh toán từ ngày 28/7/2018, do từ ngày 21/6/2018 Công ty A yêu cầu Công ty V phải hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại nhưng Công ty V không thực hiện. Ngày 17/7/2018, Công ty A tiếp tục có công văn yêu cầu Công ty V phải trả số tiền trên chậm nhất vào ngày 27/7/2018, nếu sau ngày này sẽ bị tính lãi chậm trả. Tiếp sau đó, vào các ngày 28/7/2018, 07/8/2018 và 20/8/2018, Công ty A đã có các Công văn đòi nợ lần thứ 3, 4 và 5 nhưng vẫn không nhận lại số tiền tạm ứng của Công ty V.

Tại Bản án sơ thẩm số 111/2019/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ Vphạt vi phạm do Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A chấm dứt hợp đồng số 58/2017/HĐTP/AVA-VA ngày 12/12/2017 trái pháp luật với mức phạt vi phạm là 12% trên giá trị hợp đồng trước thuế là 954.220.558 (chín trăm năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm năm mươi tám) đồng, sau khi cấn trừ Hợp đồng số 12/2018/HĐTP/AVA-AV ngày 13/6/2018 sẽ hoàn

lại cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A số tiền là: 2.139.856 (hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ Vtrả lại số tiền tạm ứng đã nhận của hợp đồng 58/2017/HĐTP/AVA-VA ngày 12/12/2017 sau khi cấn trừ Hợp đồng số 12/2018/HĐTP/AVA-AV ngày 13/6/2018 là 956.360.414 (chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn bốn trăm mười bốn) đồng và tiền lãi chậm trả là 128.388.110 (một trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám ngàn một trăm mười) đồng. Tổng cộng là 1.084.748.524 (một tỷ tám mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiên tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 47/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ V thi hành án xong.

Hoàn lại số tiền bảo đảm là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đang phong tỏa tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Sài Gòn theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 33/2018/QĐ-BPBĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 111/2019/KDTM-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh; Ngày 13 tháng 12 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 kháng nghị bàn án sơ thẩm số 111/2019/KDTM- ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với các lý do sau.

1. Không đưa Công ty TNHH May S là chủ đầu tư; Công ty Cổ phần Xây dựng H là Nhà thầu chính và Công ty Cổ phần tư vấn Công nghệ, Thiết bị và kiểm định vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đủ cơ sở làm căn cứ chứng minh cho quyết định chấm dứt Hợp đồng thi công thầu phụ số 58 ngày 12/12/2017.

2. Công ty A chấm dứt Hợp đồng số 58 chỉ thông báo trước 16 ngày là trái với quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 hướng dẫn Hợp đồng xây dựng. Công ty A đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 58 trái pháp luật phải chịu phạt vi phạm Hợp đồng là 12% trên tổng giá trị trước thuế là 954.220.557 đồng.

3. Không đồng ý yêu cầu phản tố của Công ty A yêu cầu Công ty V trả lại số tiền tạm ứng đã nhận sau khi trừ Hợp đồng số 12 còn lại 954.220.557 đồng.

4. Yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 47/2018/QĐBPKCTT ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, vì căn cứ báo cáo tham quan xưởng cơ khí của Công ty V, công văn số 04 ngày 17/5/2018 của Công ty Hlà Nhà thầu chính có nội dung không đồng ý nhà thầu đối với Công ty V nên hai bên có thống nhất thanh lý hợp đồng và Công ty A chấm dứt hợp đồng đúng theo quy định tại điểm d Điều 14.1 của Hợp đồng số 58 " Khi bên A tức Công ty A không còn nhu cầu về công việc hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư"; Mặt khác số tiền 1.192.775.697 đồng là tiền của Công ty A tạm ứng cho Công ty V không phải tiền của các đơn vị nêu trên, không có liên quan gì đến quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án nên không cần phải đưa họ vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng quy luật của pháp luật. Và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định của pháp luật.

Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: yêu cầu đưa Công ty S, Công ty H và Công ty Công nghệ, Thiết bị và kiểm định vào tham gia tố tụng, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy, tại biên bản họp ngày 16/5/2018 và công văn số 1406 ngày14/6/2018, giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc ngưng hợp đồng và nguyên đơn sẽ hoàn trả tiền tạm ứng cho bị đơn nên không cần thiết phải đưa các công ty trên vào tham gia tố tụng nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố rút phần kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với phần kháng nghị về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải phải chịu khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất theo Điều 468 Bộ luật dân sự là không đúng theo điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị phần này của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về kháng cáo của Nguyên đơn: tại phiên tòa Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc kháng cáo của mình nên đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH Kỹ Nghệ V ủy quyền cho Công ty Luật TNHH Trương Thành T – đại diện là ông Trương Thành T; Công ty CP Cơ khí và Nhôm kính A ủy quyền cho ông Phạm Văn A, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh về việc đưa Công ty TNHH May S; Công ty CP Tập đoàn Xây dựng H và Công ty CP Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty V yêu cầu đưa Công ty TNHH May S, Công ty CP Tập đoàn Xây dựng H và Công ty ty CP Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Xét, Công ty CP Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt và Công ty TNHH Kỹ thuật V ký kết với nhau Hợp đồng số 58/2017/HĐTP/AVA-VA ngày 12/12/2017 về việc: Cung cấp, thi công, lắp đặt và hoàn thiện cửa lõi thép cho công trình khu chung cư S tại địa chỉ số 1-1A đường T, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 14/12/2017 ký thêm Phụ lục Hợp đồng số 01 của Hợp đồng số 58 về việc điều chỉnh thông tin số tài khoản. Ngày 06/02/2008, Công ty A tạm ứng cho Công ty V của Hợp đồng số 58 là 1.192.775.697 đồng. Tuy nhiên, do Công ty V không được Chủ đầu tư S chấp nhận chọn làm nhà thầu phụ nên hai bên tiến hành lập biên bản họp ngày 16/5/2018 và Công văn số 1406 14/6/2018 của Công ty V có nội dung ngưng, thanh lý hợp đồng số 58 và Công ty V hoàn trả tiền tạm ứng cho Công ty A nên Công ty A căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 14 của Hợp đồng, Công ty A chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty V hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nhận và đây cũng là khoản tiền của Công ty A, không phải khoản tiền của các Công ty nêu trên và các Công ty này cũng không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án; Do vậy, với yêu cầu kháng cáo của Công ty V là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty V cho rằng Công ty A chấm dứt Hợp đồng số 58 chỉ thông báo trước 16 ngày là trái quy định tại Khoản 5 Điều 41 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 hướng dẫn Hợp đồng xây dựng phải chịu phạt vi phạm hợp đồng là 12% trên tổng giá trị trước thuế là 954.220.557 đồng.

Xét thấy, tại Điều 14.2 của Hợp đồng số 58 có quy định: "Nếu rơi vào một trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng nêu trên, bên có ý định chấm dứt sẽ phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước 07 ngày…" Như vậy, ngày 04/6/2018, Công ty A có văn bản số 101 thông báo cho Công ty V về việc chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng hợp đồng trong vòng 7 ngày, kể từ ngày Công ty V nhận được công văn này là đúng theo thỏa thuận của hai bên. Mặt khác, Công ty A có công văn số 101/CV-AVA ngày 04/6/2018 thông báo chấm dứt Hợp đồng số 58 với Công ty V là do chủ đầu tư không đồng ý chọn nhà thầu Vtheo công văn số 04 ngày 17/5/2018 của Công ty H(nhà thầu chính) là đúng theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 14 của Hợp đồng về việc chấm dứt Hợp đồng: "khi bên A không còn nhu cầu về công việc hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư"; do vậy, Công ty V kháng cáo cho rằng việc chấm dứt hợp đồng của Công ty A là trái pháp luật phải chịu phạt hợp đồng 12% là 954.220.557 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu kháng cáo của Vkhông đồng ý yêu cầu phản tố của Công ty A về việc trả lại số tiền tạm ứng đã nhận sau khi cấn trừ Hợp đồng số 12 còn lại 956.360.414 đồng và tiền lãi chậm thanh toán

Như hai bên đã thừa nhận, số tiền mà Công ty V đã tạm ứng của Hợp đồng số 58 của Công ty A là 1.192.775.697 đồng, trừ đi Hợp đồng số 12/2018/HĐTP/AVA-AV giữa hai bên là 236.415.283 đồng, còn lại 956.360.414 đồng, Công ty A yêu cầu Công ty V phải hoàn lại số tiền trên, Công ty V không đồng ý; Như đã nhận định phần trên, Công ty A chấm dứt Hợp đồng số 58 với Công ty V là do hai bên thống nhất với nhau tại biên bản họp ngày 16/5/2018; công văn số 1406 ngày 14/6/2018 của Công ty V và thông báo số 101/CV-AVA ngày 04/6/2018 của Công ty A về việc chấm dứt Hợp đồng số 58 là đúng theo sự thỏa thuận của hai bên được quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 14 của Hợp đồng, Công ty A không có vi phạm hợp đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty V phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty A số tiền 956.360.414 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với số tiền lãi chậm trả: Ngày 04/6/2018, Công ty A có công văn yêu cầu Công ty V phải hoàn trả lại số tiền tạm ứng trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận công văn. Ngày 17/7/2018, Công ty A tiếp tục có Công văn yêu cầu Công ty V phải trả cho số tiền trên chậm nhất là vào ngày 27/7/2018, nếu sau ngày này sẽ bị tính lãi chậm trả. Công ty A đã nhiều lần thông báo yêu cầu hoàn tiền tạm ứng đã nhận trước nhưng không có kết quả và đã cho thời gian trả là 54 ngày trước khi yêu cầu tính lãi chậm trả.

Hội đồng xét xử, xét thấy Công ty V chậm thanh toán tiền tạm ứng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty A, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty V trả lãi tiền chậm thanh toán từ ngày 28/7/2018 đến ngày 28/11/2019, số ngày phải chịu lãi tổng cộng là 490 ngày là có căn cứ.

Về mức lãi suất, Công ty A yêu cầu lãi suất chậm trả 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm cấp sơ thẩm xét

xử nên yêu cầu này phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

Số tiền lãi chậm trả phải chịu là (956.360.414 đồng x 10%/năm x 490 ngày)/365 ngày = 128.388.110 (một trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám ngàn một trăm mười) đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền Công ty V phải thanh toán cho Công ty A là 1.084.748.524 đồng (gồm 956.360.414 đồng tiền gốc + 128.388.110 đồng tiền lãi)

Do vậy, với yêu cầu kháng cáo phần này của Công ty V là không có cơ sở chấp nhận

[7] Yêu cầu kháng cáo của Công ty V yêu cầu Tòa hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 47/2018/QĐBPKCTT ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Xét, do yêu cầu của Công ty A được chấp nhận nên cần tiếp tục duy trì áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 47/2018/QĐBPKCTT ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho việc thi hành án nên với yêu cầu kháng cáo của Công ty V là không có cơ sở chấp nhận.

Giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 33/2018/QĐBPBĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty A có quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Sài Gòn nhận lại số tiền 50.000.000 đồng (tiền đóng biện pháp bảo đảm) và tiền lãi (nếu có)

[8] Về phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, tại phần Quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong….; nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015" là không đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần phải điều chỉnh lại theo Nghị quyết nêu trên nên với yêu cầu kháng nghị phần này của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[9] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của Công ty V, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh như ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các nội dung khác, đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên hoàn lại cho Công ty TNHH Công nghệ V2.000.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Kỹ Nghệ V

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ V phạt vi phạm do Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A chấm dứt hợp đồng số 58/2017/HĐTP/AVA-VA ngày 12/12/2017 trái pháp luật với mức phạt vi phạm là 12% trên giá trị hợp đồng trước thuế là 954.220.558 (chín trăm năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm năm mươi tám) đồng, sau khi cấn trừ Hợp đồng số 12/2018/HĐTP/AVA-AV ngày 13/6/2018 sẽ hoàn lại cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A số tiền là: 2.139.856 (hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu) đồng.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ V trả lại số tiền tạm ứng đã nhận của hợp đồng 58/2017/HĐTP/AVA-VA ngày 12/12/2017 sau khi cấn trừ Hợp đồng số 12/2018/HĐTP/AVA-AV ngày 13/6/2018 là 956.360.414 (chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn bốn trăm mười bốn) đồng và tiền lãi chậm trả là 128.388.110 (một trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám ngàn một trăm mười) đồng. Tổng cộng là 1.084.748.524 (một tỷ tám mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty CP Cơ khí và Nhôm kính Anh Việt đối với các khoản tiền phải trả, nếu Công ty TNHH Kỹ Nghệ V chưa thi hành số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn

trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả

6.Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 47/2018/QĐ-BPKCTT ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ Vthi hành án xong.

7. Giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 33/2018/QĐBPBĐ ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty A có quyền liên hệ với Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Sài Gòn nhận lại số tiền 50.000.000 đồng (tiền đóng biện pháp bảo đảm) và tiền lãi (nếu có)

8. Về án phí:

Công ty TNHH Kỹ Nghệ V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.542.456 (bốn mươi bốn triệu năm tram bốn mươi hai ngàn bốn tram năm mươi sáu) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo Biên lai thu số 0002269 ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Kỹ Nghệ V phải nộp thêm số tiền 41.542.456 (bốn mươi mốt triệu năm tram bốn mươi hai ngàn bốn tram năm mươi sáu) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Nhôm kính A số tiền tạm ứng án phí 20.522.267 (hai mươi triệu năm tram hai mươi hai ngàn hai tram sáu mươi bảy) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002659 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty TNHH Công nghệ V 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0108015 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự ;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trinh